

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/KDTM-ST

Ngày: 12-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng

tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phường M, Quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Lữ Đ, sinh năm 1997 – Chức vụ: Chuyên viên XLN KHDN MN.

(Văn bản ủy quyền số 1274/2022/UQ-PGD ngày 16/5/2022)

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại X

Địa chỉ trụ sở chính: Số 45 Đường số 5, ấp O, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Quốc D, sinh năm 1975 – Chức danh: Giám đốc – Là người đại diện theo pháp luật của công ty.

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Quốc D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 261/6 đường Ngô Quyền, Phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2020 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Lữ Đ trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là ngân hàng V) có ký Hợp đồng cho vay từng lần số SME/SGN/19/0028/HDTD ngày 27/3/2019 với Công ty TNHH Thương mại X (gọi tắt là công ty X); số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và vận chuyển hành khách; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 20,4%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.

Khoản vay nêu trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương Quốc D theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/SGN/19/0028/HDBL ngày 27/3/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty X đã trả được cho ngân hàng số tiền 50.585.010 đồng (Năm mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn không trăm mười đồng) tiền gốc và 8.421.948 đồng (Tám triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng) tiền lãi. Từ ngày 10/6/2019 đến nay, công ty X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng. Tính đến ngày 12/9/2022, công ty X còn nợ số tiền gồm:

+ Số tiền gốc: 249.414.990 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi đồng).

+ Số tiền lãi chưa thanh toán: 288.096.117 (Hai trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười bảy đồng).

Tổng cộng: 537.511.107 đồng (Năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm mười một nghìn một trăm lẻ bảy đồng).

Ngày 02/4/2018, công ty X có ký với ngân hàng V giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo, hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); lãi suất là 25%/năm.

Trong quá trình sử dụng thẻ, công ty X đã nhiều lần sử dụng để thực hiện các giao dịch phát sinh; nhưng từ tháng 7/2019, công ty X không thanh toán dư nợ phát sinh với số tiền giao dịch nên ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/9/2022, công ty X nợ số tiền thẻ tín dụng với tiền gốc là 98.330.920 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng); tiền lãi quá hạn là 198.315.948 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

Nay ngân hàng V yêu cầu công ty X có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12/9/2022, tổng cộng là 834.157.975 đồng (Tám trăm ba mươi bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó:

- Theo Hợp đồng cho vay từng lần số SME/SGN/19/0028/HDTD ngày 27/3/2019:

+ Số tiền nợ gốc: 249.414.990 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi đồng).

+ Số tiền lãi chưa thanh toán: 288.096.117 (Hai trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười bảy đồng).

- Theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 02/4/2018:

+ Số tiền gốc: 98.330.920 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 198.315.948 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

Công ty X còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số SME/SGN/19/0028/HDTD ngày 27/3/2019 và giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 02/4/2018 mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho ngân hàng V.

Trường hợp công ty X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Trương Quốc D có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/SGN/19/0028/HDBL ngày 27/3/2019 mà các bên đã ký.

Đối với người đại diện hợp pháp của bị đơn công ty X – ông Trương Quốc D, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông D vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì xét thấy nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bị đơn công ty TNHH Thương mại X có ký với nhau hợp đồng tín dụng vay vốn và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu công ty TNHH Thương mại X trả khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng vay vốn và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký giữa các bên; bị đơn có trụ sở tại xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trương Quốc D; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Ngô Lữ Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng cho vay từng lần số SME/SGN/19/0028/HDTD ngày 27/3/2019 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 02/4/2018, công ty X có vay của ngân hàng V số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và sử dụng một thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Bị đơn công ty X khi thực hiện hợp đồng đã thanh toán được một phần gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng vay vốn và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 12/9/2022, công ty X còn nợ ngân hàng V cụ thể như sau:

* Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số SME/SGN/19/0028/HDTD ngày 27/3/2019:

+ Số tiền nợ gốc: 249.414.990 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi đồng).

+ Số tiền lãi chưa thanh toán: 288.096.117 (Hai trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười bảy đồng).

Tổng cộng: 537.511.107 đồng (Năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm mười một nghìn một trăm lẻ bảy đồng).

** Đối với Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 02/4/2018:*

+ Số tiền gốc: 98.330.920 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 198.315.948 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

Tổng cộng: 296.646.868 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng).

Ngân hàng V yêu cầu công ty X thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 13/9/2022, cho đến khi công ty X thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín vay vốn và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Căn cứ vào Hợp đồng bảo lãnh số: SME/SGN/19/0028/HDBL ngày 27/3/2019 thì ông Trương Quốc D có thực hiện việc bảo lãnh cho công ty X đối với hợp đồng tín dụng mà công ty ký với ngân hàng V. Nay nguyên đơn ngân hàng V yêu cầu trong trường hợp công ty X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Trương Quốc D có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với công ty X thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký. Hợp đồng bảo lãnh được ký giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 335; Điều 336; khoản 1 Điều 339; Điều 342; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Công ty TNHH Thương mại X có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2022, tổng cộng là 834.157.975 đồng (Tám trăm ba mươi bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng), bao gồm:

** Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số SME/SGN/19/0028/HDTD ngày 27/3/2019:*

+ Số tiền nợ gốc: 249.414.990 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi đồng).

+ Số tiền lãi chưa thanh toán: 288.096.117 (Hai trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười bảy đồng).

Tổng cộng: 537.511.107 đồng (Năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm mười một nghìn một trăm lẻ bảy đồng).

** Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 02/4/2018:*

+ Số tiền gốc: 98.330.920 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 198.315.948 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

Tổng cộng: 296.646.868 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày 13/9/2022, công ty TNHH X còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số SME/SGN/19/0028/HDTD ngày 27/3/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 02/4/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

3. Trường hợp công ty TNHH X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông Trương

Quốc D có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với công ty TNHH X thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký.

4. Về án phí: Công ty TNHH X chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.024.739 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 10.725.000 đồng (Mười triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036176 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương